

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THỦY
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày 26/10/2023

V/v: Tranh chấp

Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Cải

2. Bà Bùi Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lê Minh Tuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai hai vụ án thụ lý số: 27/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị V, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Lương Tiến, xã Lạc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn D, sinh năm 1987

Hộ khẩu thường trú: Thôn Lương Tiến, xã Lạc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình; Tạm trú tại: B4/18 khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14/3/2023; tại bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lạc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình ngày 31/4/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại gia đình bố mẹ

để anh D tại xóm Lương Tiến, xã Lạc Lương. Tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D tính tình nóng nảy, thường xuyên uống rượu, chơi bời, không tu chí làm ăn chăm lo đến hạnh phúc gia đình mà còn thường xuyên đánh đuổi chị V. Mặc dù anh D đã được hai bên gia đình khuyên ngăn, nhưng anh D không thay đổi gì. Chị V và anh D đã ly thân nhau mỗi người một nơi từ tháng 2/2023 cho đến nay, trong quá trình ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Nay chị V xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh D nữa. Vì vậy, chị V đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn D.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn D có 02 con chung, cháu Bùi Bảo Tr, sinh ngày 02/12/2014 và cháu Bùi Trâm A, sinh ngày 25/10/2019. Hiện hai cháu Tr, A đang sống cùng chị V. Vợ chồng ly hôn, chị V xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Tr, A và chưa yêu cầu anh D đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung:

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị V chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/7/2023 bị đơn anh Bùi Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị V tự nguyện tìm hiểu nhau, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lạc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình ngày 31/3/2014, có tổ chức cưới hỏi được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị V yêu cầu xin ly hôn thì anh D đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như chị V đã trình bày, anh D cũng đồng ý giao hai con chung cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị V chưa yêu cầu anh D đóng góp, cấp dưỡng thì anh cũng đồng ý.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Bùi Văn D chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng qui định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ

án, bị đơn chưa chấp hành đúng qui định tại các điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đầy đủ đúng qui định của pháp luật. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử đúng theo qui định của bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, được triệu tập đến lần 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với qui định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 56, Điều 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Bùi Thị V được ly hôn anh Bùi Văn D; về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao hai con chung là cháu Bùi Bảo Tr, sinh ngày 02/12/2014 và cháu Bùi Tr Anh, sinh ngày 25/10/2019 cho chị Bùi Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; không xem xét về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ: các đương sự chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện xin ly hôn thể hiện bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Lương Tiến, xã Lạc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình, vì vậy Tòa án huyện Yên Thủy thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình nêu trên là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy đã ra thông báo hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự theo qui định của pháp luật, nhưng anh D vắng mặt và có đơn đề ngày 20/7/2023 đề nghị Tòa án huyện Yên Thủy giải quyết vắng mặt anh trong tất cả các giai đoạn tố tụng, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh Bùi Văn D theo đúng qui định pháp luật nhưng anh D vắng mặt, căn cứ đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng

mặt bị đơn anh Bùi Văn D là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 277; khoản 1 Điều 228 của bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về hôn nhân: Chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn D lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 31/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Lạc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh D: Căn cứ vào lời khai của chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn D và kết quả xác minh tại địa phương nơi chị V, anh D đăng ký hộ khẩu thường trú xác nhận quá trình chung sống vợ chồng sống không có hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D tính tình nóng nảy, hay uống rượu, chơi bời về chửi bới đánh đuổi chị V. Hiện chị V và anh D sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ tháng 02/2023 cho đến nay, trong quá trình ly thân vợ cũng không hàn gắn được tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Nay chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn D. Anh Bùi Văn D vắng mặt nhưng cũng có bản tự khai thừa nhận vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, anh D không còn tình cảm với chị V nữa, nay chị yêu cầu xin được ly hôn thì anh D cũng đồng ý. Điều đó thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị V là có căn cứ nên được chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn anh Bùi Văn D là có căn cứ.

2.2. Về con chung: Xét thấy, hiện nay hai con chung cháu Bùi Bảo Tr, sinh ngày 02/12/2014 và cháu Bùi Trâm A, sinh ngày 25/10/2019 đang sống cùng chị V. Chị Bùi Thị V yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi thì anh Bùi Văn D cũng đồng ý. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao hai con chung nêu trên cho chị Bùi Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với yêu cầu, ý kiến của các đương sự và nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù, Hội đồng xét xử đã giải thích nhưng chị Bùi Thị V chưa yêu cầu anh Bùi Văn D cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa anh Bùi Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt và bản tự khai anh Bùi Văn D đồng ý chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Bùi Văn D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn D chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị V. Chị Bùi Thị V được ly hôn anh Bùi Văn D.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao hai con chung cháu Bùi Bảo Tr, sinh ngày 02/12/2014 và cháu Bùi Trâm A, sinh ngày 25/10/2019 cho chị Bùi Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn D chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Văn D chưa phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung, anh D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí : Chị Bùi Thị V phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp trước 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002465 ngày 30/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thủy. Chị V đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn chị Bùi Thị V có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Bùi Văn D có quyền kháng cáo trong cùng thời hạn trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Yên Thủy;
- CCTHADS huyện Yên Thủy;
- UBND xã Lạc Lương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Thị Lan

